

BÁO CÁO

Về việc công khai thường niên năm (tháng 6/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẮK NANG**

2. Địa chỉ trụ sở

- Địa điểm trụ sở chính: Thôn Phú Lợi, xã Đắk Nang, tỉnh Đắk Nông

- Số điện thoại: 0984.145.788

- Địa chỉ trang điện tử: thcsdaknang.truong@gmail.com

- Website: <https://c2daknang.pgdkrongno.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục và tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THCS công lập

- Tổ chức quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Nô

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục nhà trường:

** Sứ mệnh:*

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện có nề nếp, kỷ cương, kỷ luật có chất lượng giáo dục khá cao, để mỗi học sinh đều có phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và ý thức truyền thống, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo, có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

** Tầm nhìn:*

Đến năm 2025 Trường THCS Đắk Nang sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng của huyện Krông Nô, mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện tư duy độc lập để giải quyết vấn đề, nơi sản sinh những người có đầy đủ về mặt nhân cách, có cội nguồn truyền thống, có khát vọng vươn tới và tầm nhìn xa.

** Mục tiêu tổng quát:*

Phấn đấu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến từng bước phù hợp với tiềm năng nhà trường và xu thế hội nhập phát triển của đất nước.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Đăk Nang được thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1999, đến nay đã tròn 26 tuổi, trường có bề dày truyền thống đoàn kết, đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh thuộc xã Đăk Nang và xã Đúc Xuyên trưởng thành hiện đang giữ những vị trí nhất định trong xã hội. Trường đã có một số đóng góp cho ngành giáo dục nói riêng và cho địa phương nói chung, trường đã trở thành niềm tin, điểm tựa cho học sinh và cha mẹ học sinh. Nhà trường đã và đang khẳng định vị thế của mình.

6. Thông tin đại diện pháp luật

- Họ và tên: Trương Quang Hùng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ trụ sở: Thôn Phú Lợi, xã Đăk Nang, tỉnh Đăk Nông
- Điện thoại: 0984145788
- Địa chỉ thư điện tử: thcsdaknang.truong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập trường: Nhà trường được thành lập theo quyết định số 122/TCCB, ngày 22/7/1999 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Lăk.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 4332/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 11 năm 2021, của Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô về việc kiện toàn Hội đồng trường các đơn vị trường THCS và trường TH&THCS Nguyễn Viết Xuân, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quyết định công nhận điều động, bổ nhiệm công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

+ Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô về việc bổ nhiệm lại hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Đăk Nang

+ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô về việc bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Đăk Nang.

- Quy chế hoạt động của cơ sở giáo dục: Quyết định số 37/QĐ-THCSĐN, ngày 10/9/2022 của trường THCS Đăk Nang V/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường từ năm học 2022 – 2023 đến năm học 2026-2027;

7.1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

+ **Chức năng:** Trường THCS Đăk Nang là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

+ **Nhiệm vụ và quyền hạn:**

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

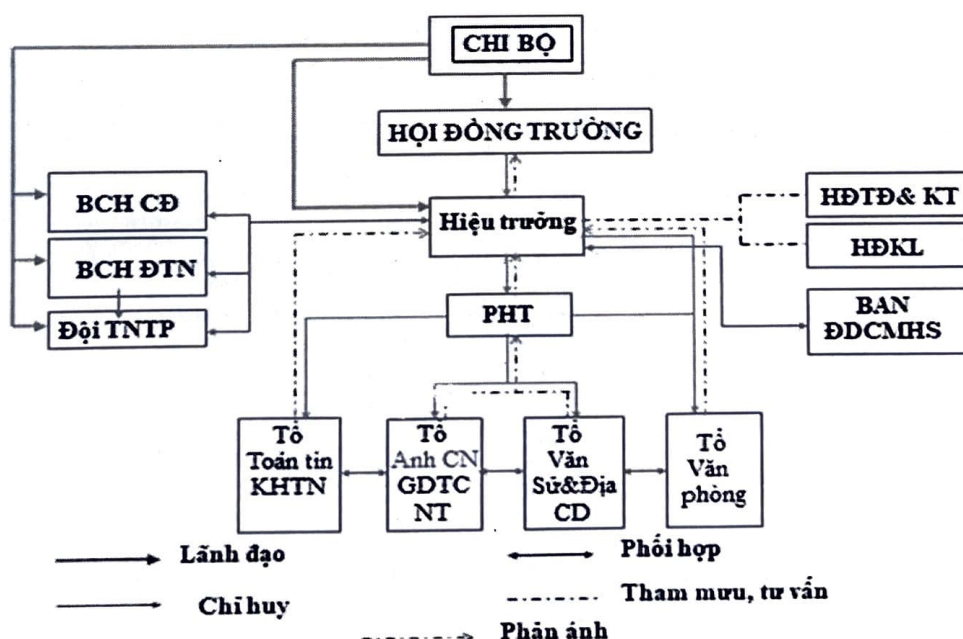
10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật

7.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



8. Các văn bản khác của cơ sở Giáo dục:

- Chiến lược phát triển Giáo dục số 02/CL-THCSĐN, ngày 13/01/2021 về Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030 (có văn bản đính kèm)

- Quy chế dân chủ của nhà trường số 44/QĐ-THCSĐN, ngày 11/10/2022 của trường THCS Đắc Nang V/v ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, giai đoạn 2022 – 2025.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

	TS	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	27	19	5	0	29	0	
+ Giáo viên hạng II	18	11	2	0	18	0	
+ Giáo viên hạng III	9	5	3	0	10	0	
Nhân viên	3	2	0	0	1	1	1 kế toán, 1 thư viện, 1 bảo vệ
Tổng	32	19	5	0	30	1	
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp năm học 2024-2025 + CBQL: Khá: 2/2 người đạt 100% + Giáo viên: Tốt: 18/27 đạt 66,67%, Khá: 9/27 người đạt 33,33%							
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL hoàn thành chương trình BD hàng năm theo quy định. + CBQL: 2/2 người, đạt 100% + Giáo viên: 27/27 người, đạt 100% - Số CBQL, GV hoàn thành chương trình BDTX: 29/29, đạt 100%							

2. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

Nhà trường có diện tích đất 6.604m² với diện tích đất bình quân 10,34 m²/học sinh bảo đảm điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định (*Theo Khoản 3 Điều 13 Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Trung học cơ sở (Bình quân tối thiểu m²/hs). Ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học.*

Trường có một khu nhà hiệu bộ (01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng có đầy đủ máy móc trang thiết bị theo quy định), 01 công trình vệ sinh giáo viên và 01 nhà để xe cho CBVC theo quy định, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu phòng bảo vệ; có 03 khu dãy nhà phòng học với 10 phòng học (trong đó có 01 khu dãy nhà cấp 3 và 02 khu dãy nhà cấp 4) đảm bảo tối thiểu 0,6 phòng/lớp, trường; có 04 phòng học bộ môn (01 KHTN, 01 Công nghệ, 01 tin học và 01 nghệ thuật) so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu phòng ngoại ngữ và phòng đa chức năng, các phòng bộ môn hiện có chưa đáp ứng theo quy chuẩn quy định.

Khối phòng hỗ trợ học tập: trường có thư viện gồm 02 phòng, có 01 phòng chưa thiết bị giáo dục, , 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đoàn, đội, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu phòng tư vấn học đường .

Khối phụ trợ: có 01 phòng học toàn thể CBGVNV, 01 phòng tổ CM sử dụng chung, có 01 phòng y tế trường học, có 02 khu nhà để xe học sinh, 02 công trình vệ sinh học sinh, khuôn viên trường có cổng và hàng rào bao quanh, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu phòng kho.

Khu sân chơi, thể dục, thể thao: Có 01 sân chung bằng phẳng có cây xanh, bóng mát, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu sân thể dục, thể thao.

Hạ tầng kỹ thuật: Có hệ thống nước sạch; hệ thống điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc; khu thu gom rác thải đáp ứng so với yêu cầu tối thiểu.

Thiết bị dạy học: Thiết bị dạy học đã được trang bị một phần, các phòng học bộ môn cơ bản trang bị đầy đủ theo quy định, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu nhiều thiết bị dạy học theo quy định.

- Danh mục SGK sử dụng cho các khối lớp từ 6-9:

+ Quyết định số 675/QĐ-UBND, ngày 17/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có danh mục kèm theo)

+ Quyết định số 985/QĐ-UBND, ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có danh mục kèm theo);

+ Quyết định số 520/QĐ-UBND, ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 và sách giáo khoa lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có danh mục kèm theo);

+ Quyết định số 558/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có danh mục kèm theo);

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

- Kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm: (Có văn bản kèm theo)

- Kết quả tự đánh giá, kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng như sau:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả	
	Không đạt	Đạt

		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				

Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5			X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

3.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

3.3. Kết luận: Trường đạt mức 2

Kế hoạch cải tiến số 23a/KH-THCSĐN, ngày 15/10/2024 của trường THCS Đăk Nang về V/v cải tiến chất lượng giáo dục, năm học 2024- 2025 (có văn bản kèm theo)

Quyết định 1013/QĐ-SGDĐT ngày 16/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông Về việc công nhận cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục: đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2

Quyết định 1257/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 cho trường Trung học cơ sở Đăk Nang, xã Đăk Nang, huyện Krông Nô.

III. Kế hoạch và kết quả hoạt động của nhà trường

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường

- Kế hoạch tuyển sinh của đơn vị năm học 2024-2025 theo kế hoạch số 14/KH-THCSĐN, ngày 10/7/2024 của trường THCS Đăk Nang về kế hoạch tuyển sinh lớp 6, năm học 2024-2025 (Có văn bản kèm theo)

- Kế hoạch giáo dục số 16/KH-THCSĐN, ngày 17/9/2024 của trường THCS Đắk Nang về kế hoạch giáo dục, năm học 2024-2025(Có văn bản kèm theo)
- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội: Có văn bản kèm theo)

2. Kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

2.1. Thống kê tình hình học sinh:

TT	Khối	TS học sinh	TB/lớp	Nam/nữ	DTTS	Khuyết tật	Chuyển đi	Chuyển đến
1	6	173	43,3	92/81	76	0	2	1
2	7	191	47,8	102/89	76	0	0	0
3	8	150	37,5	69/81	59	0	0	2
4	9	111	37,0	69/53	46	0	1	1
Tổng		625	41,7	321/304	257	0	3	4

2.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

Tổng số	Rèn luyện									
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
625	540	86,40	82	13,12	3	0,48	0	0,00		
Tổng số	Học tập									
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		KXL	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
625	65	10,04	182	29,12	364	58,24	14	2,24	0	0

2.3. Thống kê học sinh tốt nghiệp THCS, trúng tuyển THPT và giáo dục nghề nghiệp:

- Tốt nghiệp THCS: 111 hs đạt 100%
- Trúng tuyển THPT: 95 hs chiếm 85,58%
- Tham gia giáo dục nghề nghiệp, học nghề: 16 hs chiếm 14,42%

IV. CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH (Khoản 1, 3, 4 Điều 5)

1. Tình hình tài chính của năm 2025:

CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH (6 tháng đầu năm 2025)

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	8,790,598,435	6,658,482,309
1	Kinh phí tự chủ	7,946,956,435	6,042,643,309
2	Kinh phí không tự chủ	843,642,000	615,839,000
I	Thu phí, lệ phí	73,629,980	95,979,998
*	Học phí, lệ phí từ người học	26,550,000	77,565,000

	(20.000đ/tháng)		
*	Tồn năm trước chuyển sang	47,079,980	18,414,998
*	Số chi trong năm:	0	48,900,018
2	Chi lương và CKĐG cho GV		34,415,618
3	Tăng cường CSVC		
4	Chi chuyên môn nghiệp vụ		14,484,400
	Số dư cuối năm	73,629,980	47,079,980
III	Các khoản thu khác, chi khác	1,969,984,229	1,791,709,000
1	Phân thu:	106,150,000	79,080,000
	Tiền Photo	31,450,000	29,330,000
	Tiền vệ sinh	31,450,000	29,200,000
	Tiền khuyến học	11,850,000	20,550,000
	Tiền hoạt động ngoài giờ lên lớp	31,400,000	0
2	Phân chi	100,054,481	84,760,400
	Tiền Photo	29,474,481	28,310,400
	Tiền vệ sinh	31,600,000	33,300,000
	Tiền khuyến học	19,230,000	23,150,000
	Tiền hoạt động ngoài giờ lên lớp	19,750,000	0
B	NGÂN SÁCH GIAO	8,790,598,435	6,658,482,309
1	Dự toán giao đầu năm	7,951,446,000	5,441,792,000
2	Dự toán năm trước chuyển sang	31,029,043	1,860,309
3	Kinh phí bổ sung trong năm	-30,979,608	600,046,000
4	Kinh phí giảm trong năm (tiết kiệm chi 10%)	-4,539,000	-1,055,000
	Ngân sách chi không thường xuyên	843,642,000	615,839,000
	Dự toán giao đầu năm	843,642,000	535,438,000
	Kinh phí bổ sung trong năm	0	80,401,000
II	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4,823,468,643	6,608,851,152
1	Kinh phí tự chủ	4,545,381,885	6,011,614,266
1.1	Chi lương và phụ cấp	3,737,610,947	4,837,372,848
1.2	Tiền công lao động hợp đồng	38,075,800	65,887,200
1.3	Các khoản đóng góp theo lương	594,692,025	753,970,853
1.4	Thu nhập tăng thêm	0	0
1.5	Chi sửa chữa tài sản và hạ tầng	17,425,000	18,133,000
1.6	Chi chuyên môn nghiệp vụ	60,768,040	76,731,500
1.7	Chi hoạt động khác	96,810,073	259,518,865
1.8	Còn lại	0	
2.	Kinh phí không tự chủ	278,086,758	597,236,886
2.1	Lương và các khoản đóng góp GV hợp đồng	79,720,758	102,011,886
2.2	Thưởng CSTĐ, LĐTT	0	133,335,000
2.3	Hỗ trợ chi phí học tập	198,366,000	346,890,000
2.4	Chi mua sắm tài sản phục vụ CM		15,000,000
2.5	Chi khác	0	0
2.6	Còn lại		

C	CHÊNH LỆCH THU CHI	3,967,129,792	49,631,157
---	--------------------	---------------	------------

2. Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn giảm học phí cho người học năm học 2024-2025:

- Nhà trường thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2024 - 2025 cho **314** học sinh thuộc đối tượng theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Nhà trường thực hiện hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 cho **238** học sinh thuộc đối tượng theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập với tổng số tiền: 329.100.000 đồng.

- Nhà trường thực hiện hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 cho **20** học sinh thuộc đối tượng theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với tổng số tiền: 25.800.000 đồng.

- Nhà trường thực hiện hỗ trợ tiền ăn, nhà ở học kỳ I, năm học 2024 – 2025 cho **03** học sinh thuộc đối tượng theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn với tổng số tiền: 14.404.000 đồng.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022-2025. Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm edoc, quản lý trang web... Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

4. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp; qua trang mạng xã hội (zalo nhóm lớp), thông qua website trường

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2025 của trường THCS Đắk Nang.

Nơi nhận:

- CBGVNV;
- Website trường;
- Lưu: HSCK, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Quang Hùng